

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2024/DS-ST**

Ngày 28-6-2024

V/v: "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông **Trần Tuất**.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **223/2023/TLST-DS** ngày **06** tháng **10** năm **2023** về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm: 1969; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Mai Thị T**, sinh năm: 1984; địa chỉ: **thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Vắng mặt.

- Ông **Hồ Văn T2**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Vắng mặt.

- Ông **Lê Thế T3**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Vắng mặt.

- Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1975; địa chỉ: **Thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*[1] Thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà **Phạm Thị Đ** trình bày:*

Bà **Phạm Thị Đ** có khoảng 1 hecta đất rẫy trồng cây cao su từ năm 2009 tại **thôn C, xã G, huyện T**. Diện tích đất này giáp ranh với đất của gia đình bà **Mai Thị T**. Vào ngày 01/5/2023, bà **Mai Thị T4** đốt rẫy cháy lan sang qua khu vực rẫy cao su của bà **Phạm Thị Đ** làm cháy khoảng 190 cây cao su. Trong đơn khởi kiện, bà **Đ** yêu cầu vợ chồng bà **T4** phải bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà **Đ** thống nhất với kết quả thẩm định tại chỗ, ngày 29/3/2024 xác định số lượng cây cao su bị cháy là 166 cây và thống nhất với kết quả định giá tài sản ngày 16/4/2024 xác định thiệt hại của 166 cây cao su bị cháy trị giá 46.480.000đ. Do đó, bà **Đ** thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà **Đ** yêu cầu vợ chồng ông **S**, bà **T4** phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với 166 cây cao su bị cháy là 46.480.000đ. Ngoài ra, bà **Đ** không còn yêu cầu gì khác.

*[2] Thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn – Bà **Mai Thị T**; người đại diện theo ủy quyền của bà **Mai Thị T** trình bày:*

Vào sáng ngày 01/5/2023, bà **Mai Thị T** vào khu vực rẫy ở **thôn C, xã G, huyện T** giáp ranh với rẫy của bà **Phạm Thị Đ** để gom lá khô, cành cây khô để đốt dọn rẫy. Bà **T** đốt từng đống nhỏ. Đến 07 giờ sáng, bà **T** dập tắt lửa rồi đi về nhà.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, bà **T** nghe một số người thông báo trong rẫy có đám cháy thì bà **T** chạy vào thì phát hiện rẫy bà **Phạm Thị Đ** giáp ranh với rẫy của bà **T** bị phát cháy. Bà **T** cùng một số người tiến hành dập lửa cho rẫy bà **Đ**. Rẫy bà **Đ** cháy từ hướng bờ kênh vào, không phải cháy từ hướng nhà bà **T** qua. Khi rẫy bà **Đ** cháy thì hiện trạng rẫy của bà **T** lửa đã tàn rụi, không còn lửa âm ỉ. Bà **T** không đốt làm cháy rẫy của bà **Đ** nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà **Đ**.

*[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông **Nguyễn Văn S** trình bày như sau:*

Ông **S**, bà **T** có thửa đất rẫy khoảng 1 hecta giáp ranh với thửa đất của bà **Phạm Thị Đ** (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vào khoảng 01 ngày trong tháng 6/2023, bà **T** đi vào chọn rẫy. Đến khoảng 14h cùng ngày có người điện thoại báo trong rẫy cháy. Do ông **S** đi đám ma nên không về được nên có điện thoại cho một số người đến giúp dập lửa. Ông **S** không trực tiếp vào hiện trường rẫy nên không chứng kiến quá trình dập lửa và xác định nguyên nhân cháy. Ông **S** không rõ

nguyên nhân xảy ra vụ cháy rẫy của bà Đ. Do bà T vào dọn rẫy từ 04 giờ đến 07 giờ sáng đã dập xong các đám cháy. Trong khoảng thời gian từ 07 giờ sáng đến 14 giờ bà T không có đốt thêm bất kỳ đám lửa nào trong rẫy mà đi về lo công việc hàng ngày.

Sau khi sự việc xảy ra, qua hòa giải tại địa phương, gia đình ông S nhận thấy điều kiện bà Đ khó khăn. Vì tình làng nghĩa xóm nên đồng ý hỗ trợ cho bà Đ số tiền 20.000.000đ để mua cây giống, bón phân khắc phục sự cố, nhưng bà Đ không đồng ý. Do vợ chồng ông S, bà T không có hành vi đốt rẫy của bà Đ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[6] Bà Phạm Thị Đ cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 căn cước công dân (bản sao);

Trong quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ là tiến hành lấy lời khai các đương sự; lập biên bản xác minh; thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; thu thập các tài liệu, chứng cứ tại Công an huyện T về các vấn đề liên quan trong vụ án.

[9]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 157, 165, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.

Buộc bà Mai Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Phạm Thị Đ số tiền 46.480.000đ.

Buộc bà Mai Thị T phải hoàn lại chi phí tố tụng cho bà Phạm Thị Đ.

Về án phí: Bà Mai Thị T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong đơn khởi kiện bà **Phạm Thị Đ** yêu cầu bà **Mai Thị T** phải bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên, trong giai đoạn giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **Phạm Thị Đ** thay đổi yêu cầu buộc bà **Mai Thị T**, ông **Nguyễn Văn S** phải có trách nhiệm bồi thường 166 cây cao su bị cháy với số tiền là 46.480.000đ. Xét thấy: Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà **Đ** không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về bồi thường ngoài hợp đồng về việc bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 26 BLDS năm 2015. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà **Phạm Thị Đ**.

Bà **Phạm Thị Đ** có khoảng 1 hecta đất rẫy trồng cây cao su giáp ranh với khu vực đất của bà **Mai Thị T**, ông **Nguyễn Văn S**. Đến khoảng 14 giờ, ngày 01/5/2023 bà **Phạm Thị Đ** biết được thông tin khu vực đất rẫy của mình bị cháy và được một số người dập lửa nhưng bị cháy một số cây cao su trồng trên đất. Bà **Phạm Thị Đ** cho rằng cây cao su bị cháy là do bà **Mai Thị T** đốt rẫy kế bên làm cháy lan sang nên khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bà **Mai Thị T**, ông **Nguyễn Văn S** cho rằng mình không phải trực tiếp đốt rẫy bà **Đ** nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, bà **Mai Thị T** không phải là người trực tiếp đốt cháy khu vực rẫy cao su của bà **Phạm Thị Đ**. Thế nhưng, thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **Mai Thị T** xác định vào khoảng 04 giờ, ngày 01/5/2023 bà **T** vào khu vực rẫy ở khu vực bờ kênh tiếp nước Biển Lạc – **H thuộc Thôn C, xã G, huyện T** để dọn, đốt rẫy. Bà **T** gom nhánh cây, lá cây lại thành đồng rồi đốt. Đến khoảng 07 giờ, ngày 01/5/2023 tiến hành dập hết lửa rồi về nhà. Khu vực rẫy bà **T** đốt dọn rẫy giáp ranh khu vực rẫy của bà **Phạm Thị Đ**.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc do **Công an huyện T** cung cấp đều thể hiện bà **Mai Thị T** đều có mong muốn thỏa thuận với bà **Đ** về việc bồi thường thiệt hại do rẫy cao su của bà **Đ** bị cháy. Vợ chồng bà **T**, ông **S** đồng ý hỗ trợ thiệt hại cho bà **Đ** số tiền là 20.000.000đ. Tại biên bản làm việc vào ngày 05/5/2023 tại **Công an xã G**, bà **Mai Thị T** đã thừa nhận đốt rẫy của gia đình nhưng khi về kiểm tra không kỹ nên đến 14 giờ ngày 01/5/2023 khi nghe cháy rẫy thì chờ bà **Trần Thị G** vào thấy rẫy của bà **Đ** cháy nên đã xông vào dập lửa.

Tại phiên tòa, bà **Mai Thị T** xác định: Vào thời điểm phát hiện rẫy của bà **Phạm Thị Đ** bị cháy thì có rẫy của gia đình bà **Mai Thị T** đốt dọn, còn xung quanh khu vực này không còn ai vào đốt dọn rẫy. Trong các đoạn video do bà **Phạm Thị Đ** cung cấp được trình chiếu tại phiên tòa, bà **Mai Thị T** xác định người trong các đoạn video

này là bà T, bà G, ông Phạm Văn D đang nói chuyện với nhau. Trong các video này, có nội dung bà Mai Thị T thừa nhận do đốt rẫy dọn không kỹ nên gây cháy lan sang đất rẫy trồng cây cao su của bà Phạm Thị Đ.

Xét thấy: Mặc dù, tại phiên tòa bà Mai Thị T không thừa nhận nguyên nhân cháy rẫy của bà Đ là do bà T đốt rẫy cháy lan nhưng thể hiện tại các đoạn video do bà Đ cung cấp và các tài liệu được thu thập từ Công an huyện T có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 01/5/2023 bà Mai Thị T dọn đốt rẫy giáp ranh với đất rẫy trồng cao su của bà Phạm Thị Đ. Do sau khi đốt rẫy, bà Mai Thị T không dập hết lửa và ở lại quan sát, kiểm tra kỹ mà về nhà. Từ đó, dẫn đến việc gây cháy sang đất rẫy trồng cây cao su của bà Phạm Thị Đ. Mặc dù, ông Nguyễn Văn S là chồng của bà T không tham gia dọn đốt rẫy làm cháy sang qua đất của bà Phạm Thị Đ, nhưng diện tích đất rẫy bà T đốt dọn là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà T. Sau khi sự việc xảy ra, ông S, bà T đã đồng ý hỗ trợ cho bà Đ số tiền 20.000.000đ. Tại phiên tòa, ông S xác định: Khi kiểm tra hiện trường vụ án, thấy các cây cao su trên đất của bà Phạm Thị Đ ở khu vực đất giáp rẫy của bà T, ông S bị cháy nhiều nên đồng ý thỏa thuận hỗ trợ thiệt hại cho bà Đ. Cho nên, ông S có trách nhiệm cùng bà T phải bồi thường thiệt hại cho bà Đ. Do đó, yêu cầu của bà Phạm Thị Đ buộc bà Mai Thị T, ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số cây cao su bị cháy là phù hợp.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2024 (bút lục 31) xác định: Trên diện tích đất rẫy của bà Phạm Thị Đ có 166 cây cao su bị cháy, chưa khai thác mủ.

Tại biên bản định giá tài sản, ngày 16/4/2024 (bút lục 43) xác định: 166 cây cao su bị cháy trên rẫy của bà Phạm Thị Đ thiệt hại như sau: $400.000\text{đ}/\text{cây} \times 166 \text{ cây} \times 70\% = 46.480.000\text{đ}$.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Đ, bà Mai Thị T, ông Nguyễn Văn S thống nhất với kết quả thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản. Bà Phạm Thị Đ yêu cầu vợ chồng bà Mai Thị T, ông Nguyễn Văn S phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 48.480.000đ. Cho nên, cần buộc bà Mai Thị T, ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với 166 cây cao su bị cháy trị giá 48.480.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Đ yêu cầu đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của bà Phạm Thị Đ được chấp nhận. Cho nên, cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị T phải chịu trách nhiệm đóng các khoản liên quan đến chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 BLTTDS.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn – bà Phạm Thị Đ được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203; khoản 1 Điều 244; Điều 273; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật BLTTDS;
- Các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Đ**.

- Buộc bà **Mai Thị T**, ông **Nguyễn Văn S** có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản (166 cây cao su bị cháy) với số tiền là 46.480.000đ (Bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng:

Buộc bà **Mai Thị T**, ông **Nguyễn Văn S** phải trả lại cho bà **Phạm Thị Đ** 1.700.000đ tiền chi phí thẩm định tại chỗ; 2.600.000đ tiền chi phí định giá tài sản.

Về án phí:

- Buộc ông **Nguyễn Văn S**, bà **Mai Thị T** phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự là 2.324.000đ nộp ngân sách nhà nước.
- Trả lại cho bà **Phạm Thị Đ** tạm ứng án phí 2.500.000đ mà bà **Đ** đã nộp tại biên lai số 0016368, ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2024). (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến